TRƯỜNG ĐẠI HỌC TDTT BẮC NINH
TRUNG TÂM GDQP&AN

Số: 114 /QĐ-TTQPAN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 7 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v công nhận hoàn thành chương trình môn học GDQP&AN
Và cấp chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM GDQP&AN-TRƯỜNG ĐẠI HỌC TDTT BẮC NINH

Căn cứ Quyết định số 2295/QĐ-BVHTTDL ngày 02/7/2015 của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm GDQPAN thuộc Trường Đại học TDTT Bắc Ninh;

Căn cứ thông tư số 15/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/08/2022 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội ban hành quy chế quản lý cấp phát chứng chỉ GDQP&AN;

Căn cứ kết quả thi kết thúc học phần môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên các chuyên ngành của Trường Cao đẳng Công nghiệp Hưng Yên;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo, Quản lý sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công nhận hoàn thành chương trình môn học Giáo dục quốc phòng an ninh và được cấp Chứng chỉ GDQP&AN cho 99 sinh viên bậc Cao đẳng các chuyên ngành của Trường Cao đẳng Công nghiệp Hưng Yên được đào tạo từ ngày 14/04/2025 đến ngày 24/04/2025 năm học 2024-2025. *(Có danh sách kèm theo).*

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Phòng Đào tạo-Quản lý sinh viên, Phòng Hành chính-Tổ chức, Khoa chuyên môn và các sinh viên có tên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Trường CĐ.CNHY
- Như điều 3(t/h)
- Lưu: VT,TTQPAN, (P.05)

GIÁM ĐỐC

BỘ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TDTT BẮC NINH

PGS.TS. Nguyễn Văn Phúc

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TDTT BẮC NINH
TRUNG TÂM GDQP&AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP HƯNG YÊN ĐÃ HOÀN THÀNH MÔN HỌC VÀ ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ GDQP&AN

(Kèm theo Quyết định số: 114 /QĐ - TTQPAN ngày 7 tháng 6 năm 2025)

STT		Họ và	Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Kết quả			Ghi chú
							HP1	HP2	TBC	
*	*Điện công nghiệp 57LĐ1*									
1	1	Vũ Văn	Tính	28/10/1998	Hưng Yên	Nam	6.0	7.6	6.80	
*	*Kế toán 57LK1*									
2	1	Trương Thị	Huệ	15/04/1988	Hưng Yên	Nữ	7.7	8.4	8.05	
3	2	Chu Thị Thùy	Trang	25/11/2005	Hưng Yên	Nữ	7.2	7.9	7.55	
*	*Công nghệ KT Điện, Điện tử 58CĐK1*									
4	1	Luyện Quang	Anh	27/06/2006	Hà Nội	Nam	6.1	7.7	6.90	
5	2	Nguyễn Trọng	Đức	31/12/2005	Hưng Yên	Nam	5.5	7.1	6.30	
6	3	Nguyễn Trung	Đức	29/06/2006	Hưng Yên	Nam	5.7	7.8	6.75	
7	4	Ngô Bá	Hiếu	10/02/2006	Tuyên Quang	Nam	6.2	8.2	7.20	
8	5	Vũ Trung	Hiếu	23/05/2004	Hưng Yên	Nam	6.4	7.8	7.10	
9	6	Bùi Xuân	Hoàng	02/04/2006	Hưng Yên	Nam	7.1	8.5	7.80	
10	7	Nguyễn Anh	Hùng	23/07/2002	Hà Nội	Nam	6.9	7.6	7.25	
11	8	Nguyễn Hoài	Nam	07/09/2006	Hải Dương	Nam	7.1	7.1	7.10	
12	9	Chu Minh	Nguyên	01/12/2006	Hưng Yên	Nam	6.4	7.8	7.10	
13	10	Nguyễn Duy	Quang	13/11/2006	Hà Nội	Nam	6.7	8.3	7.50	
14	11	Phùng Văn	Quang	05/11/2006	Hưng Yên	Nam	6.9	7.1	7.00	
15	12	Nguyễn Văn	Quảng	30/10/2006	Hưng Yên	Nam	7.1	5.7	6.40	
16	13	Hoàng Mạnh	Quân	19/10/2006	Bắc Ninh	Nam	5.5	6.9	6.20	
17	14	Đinh Xuân	Tiến	17/01/2004	Hưng Yên	Nam	6.0	8.3	7.15	
18	15	Lê Quốc	Tuấn	28/01/2005	Hưng Yên	Nam	6.7	8.3	7.50	
19	16	Phạm Trọng	Thiện	02/01/2006	Hưng Yên	Nam	6.7	9.0	7.85	
20	17	Hoàng Văn	Việt	28/09/2006	Hưng Yên	Nam	6.4	6.4	6.40	
*	*Kế toán 58CK1*									
21	1	Ngô Hoàng Khánh	Huyền	24/10/2006	Hưng Yên	Nữ	7.2	7.2	7.20	
22	2	Nguyễn Khánh	Ly	10/10/1995	Hải Dương	Nữ	8.2	9.1	8.65	
23	3	Nguyễn Thành	Trung	09/03/1993	Hưng Yên	Nam	6.1	7.7	6.90	

STT		Họ và	Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Kết quả			Ghi chú
							HP1	HP2	TBC	
*	*Công nghệ may 58CM1*									
24	1	Vũ Đức	Anh	28/04/2006	Hải Dương	Nam	6.2	7.8	7.00	
25	2	Nguyễn Công	Danh	07/07/2006	Thái Bình	Nam	6.2	5.7	5.95	
26	3	Phạm Thị Thùy	Dương	28/07/2005	Hưng Yên	Nữ	6.5	6.0	6.25	
27	4	Trần Thị	Hương	01/02/2006	Hưng Yên	Nữ	7.2	8.1	7.65	
28	5	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	18/06/2006	Hải Dương	Nữ	7.2	8.1	7.65	
*	*Điện công nghiệp 58LĐ1*									
29	1	Đỗ Bình	An	22/12/2007	Hưng Yên	Nam	5.5	7.1	6.30	
30	2	Nguyễn Đình Trung	Anh	27/11/2007	Hưng Yên	Nam	6.1	7.7	6.90	
31	3	Trần Ngọc	Anh	18/07/2007	Hà Nội	Nam	6.2	5.7	5.95	
32	4	Nguyễn Văn	Bảo	09/06/2006	Hưng Yên	Nam	6.0	7.4	6.70	
33	5	Đỗ Tiến	Dũng	30/12/2007	Hà Nội	Nam	6.2	6.4	6.30	
34	6	Nguyễn Đức	Duy	18/11/2007	Hà Nội	Nam	6.2	6.2	6.20	
35	7	Nguyễn Trường	Duy	23/09/2007	Hà Nội	Nam	5.6	5.4	5.50	
36	8	Đặng Anh	Đức	12/08/2007	Hưng Yên	Nam	6.0	8.8	7.40	
37	9	Đỗ Hoàng	Hiệp	19/12/2007	Hưng Yên	Nam	5.5	7.8	6.65	
38	10	Đỗ Đức	Hiếu	04/07/2007	Hưng Yên	Nam	5.5	8.3	6.90	
39	11	Nguyễn Đức	Huỳnh	14/10/1997	Hưng Yên	Nam	7.7	8.4	8.05	
40	12	Phạm Duy	Khánh	23/11/2007	Hưng Yên	Nam	5.5	7.8	6.65	
41	13	Hoàng Quang	Minh	20/03/2007	Hưng Yên	Nam	5.6	6.8	6.20	
42	14	Trương Tuấn	Minh	07/09/2007	Hưng Yên	Nam	5.7	8.5	7.10	
43	15	Nguyễn Ngọc	Ninh	05/11/2007	Hưng Yên	Nam	6.2	7.1	6.65	
44	16	Nguyễn Gia	Phong	22/04/2007	Hưng Yên	Nam	7.4	8.6	8.00	
45	17	Nguyễn Đức Tuấn	Tài	05/08/2007	Hưng Yên	Nam	5.7	7.8	6.75	
46	18	Trần Ngọc	Tú	18/07/2007	Hà Nội	Nam	5.7	7.1	6.40	
47	19	Nguyễn Hoàng	Thái	30/03/2007	Hưng Yên	Nam	5.5	6.2	5.85	
48	20	Lê Việt	Thắng	13/11/2007	Hưng Yên	Nam	6.7	8.1	7.40	
49	21	Đỗ Văn	Thế	21/09/2007	Hưng Yên	Nam	5.4	6.1	5.75	
50	22	Nguyễn Quang	Thiện	20/03/2007	Hưng Yên	Nam	6.4	7.8	7.10	
51	23	Lưu Quang	Trọng	13/07/2007	Hưng Yên	Nam	6.4	7.8	7.10	
52	24	Đỗ Huy	Vân	12/09/2006	Hưng Yên	Nam	6.3	6.3	6.30	

STT		Họ và	Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Kết quả			Ghi chú
							HP1	HP2	TBC	
*	*Điện tử công nghiệp 58LĐT1*									
53	1	Trần Gia	Bảo	03/12/2007	Hưng Yên	Nam	5.5	7.8	6.65	
54	2	Nguyễn Quang	Duy	28/10/2007	Hưng Yên	Nam	5.4	6.1	5.75	
55	3	Nguyễn Trường	Hải	10/07/2007	Hưng Yên	Nam	6.3	6.3	6.30	
56	4	Nguyễn Đức	Hiếu	08/09/2006	Hưng Yên	Nam	5.3	6.0	5.65	
57	5	Lương Quang	Huy	05/02/2007	Hưng Yên	Nam	5.5	7.1	6.30	
58	6	Nguyễn Phát	Huy	27/09/2007	Hưng Yên	Nam	5.4	6.1	5.75	
59	7	Nguyễn Chí Gia	Hưng	15/12/2007	Hưng Yên	Nam	5.5	6.9	6.20	
60	8	Trần Phi	Long	09/07/2007	Hưng Yên	Nam	5.5	5.7	5.60	
61	9	Vũ Đức	Long	12/12/2006	Hưng Yên	Nam	5.5	8.5	7.00	
62	10	Nguyễn Khánh	Minh	08/09/2005	Hà Nội	Nam	5.7	6.4	6.05	
63	11	Vũ Thế Sơn	Nam	09/11/2007	Hưng Yên	Nam	5.7	5.7	5.70	
64	12	Hoàng Quang	Thanh	04/08/2007	Hưng Yên	Nam	5.5	8.5	7.00	
65	13	Đặng Chí	Thông	05/01/2007	Hưng Yên	Nam	6.3	6.5	6.40	
66	14	Hoàng Tuấn	Vũ	02/11/2007	Hưng Yên	Nam	5.5	6.9	6.20	
67	15	Nguyễn Văn Như	Vũ	10/12/2007	Hưng Yên	Nam	5.5	7.6	6.55	
68	16	Hoàng Minh	Vương	23/03/2007	Hưng Yên	Nam	6.2	7.8	7.00	
*	*Kế toán 58LK1*									
69	1	Chu Minh	Châu	04/07/2007	Hưng Yên	Nữ	7.2	7.9	7.55	
70	2	Vũ Bá	Dũng	31/05/2007	Hà Nội	Nam	6.2	6.9	6.55	
71	3	Nguyễn Quỳnh	Linh	30/12/2007	Hưng Yên	Nữ	7.2	7.2	7.20	
72	4	Lưu Đình	Tính	29/10/2007	Hưng Yên	Nam	6.2	7.8	7.00	
73	5	Nguyễn Phương	Thảo	31/10/2007	Hưng Yên	Nữ	7.2	7.9	7.55	
74	6	Nguyễn Hữu	Thắng	12/06/2007	Hưng Yên	Nam	6.2	6.4	6.30	
75	7	Lê Thị Huyền	Trang	02/12/2007	Hưng Yên	Nữ	7.2	5.8	6.50	
76	8	Phạm Thị Thu	Trang	18/09/2007	Hưng Yên	Nữ	7.2	7.2	7.20	
77	9	Nguyễn Thị Kiều	Trinh	04/12/2007	Hưng Yên	Nữ	7.2	8.3	7.75	
*	*Công nghệ may 58LM1*									
78	1	Đỗ Phương	Linh	14/10/2007	Hưng Yên	Nữ	7.9	8.8	8.35	
79	2	Quản Thanh	Thuỷ	16/02/2007	Bắc Giang	Nữ	5.8	8.8	7.30	
80	3	Lương Thị Hồng	Thuý	23/11/2007	Hà Nội	Nữ	7.2	7.4	7.30	

STT		Họ và	Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Kết quả			Ghi chú
							HP1	HP2	TBC	
Công nghệ thông tin - UDPM 58LT1										
81	1	Đặng Ngọc Tiến	Anh	17/06/2007	Hưng Yên	Nam	6.2	7.1	6.65	
82	2	Phạm Nhật	Anh	11/07/2007	Hưng Yên	Nam	5.5	7.8	6.65	
83	3	Vũ Tiến	Anh	12/12/2006	Hưng Yên	Nam	6.2	7.1	6.65	
84	4	Vũ Thị Thanh	Chúc	20/08/2007	Hưng Yên	Nữ	7.5	8.2	7.85	
85	5	Vũ Nguyễn Nguyên	Chương	24/09/2007	Tuyên Quang	Nam	6.6	8.0	7.30	
86	6	Nguyễn Quang	Dũng	28/08/2007	Hưng Yên	Nam	6.2	7.1	6.65	
87	7	Lê Quốc	Duy	18/04/2007	Hưng Yên	Nam	6.2	8.5	7.35	
88	8	Hoàng Trung	Hải	21/12/2007	Hưng Yên	Nam	6.4	6.4	6.40	
89	9	Nguyễn Trần Mai	Hoà	15/08/2005	Hưng Yên	Nữ	6.5	6.5	6.50	
90	10	Đỗ Khánh	Huyền	09/10/2007	Hưng Yên	Nữ	6.5	6.5	6.50	
91	11	Trịnh Quốc	Khánh	07/06/2007	Hưng Yên	Nam	6.4	8.5	7.45	
92	12	Nguyễn Ngọc	Lan	21/10/2007	Hưng Yên	Nữ	7.2	8.1	7.65	
93	13	Luyện Đức	Lợi	04/12/2006	Hưng Yên	Nam	6.4	5.7	6.05	
94	14	Kiều Đức	Mạnh	04/07/2007	Hưng Yên	Nam	6.4	6.9	6.65	
95	15	Trần Minh	Phúc	24/01/2001	Hải Dương	Nam	8.2	9.1	8.65	
96	16	Trịnh Hà	Phương	23/07/2007	Hưng Yên	Nữ	7.2	7.4	7.30	
97	17	Đặng Hồng	Quy	28/01/2007	Hưng Yên	Nữ	6.6	7.4	7.00	
98	18	Nguyễn Thái	Sơn	20/08/2007	Hưng Yên	Nam	6.2	6.9	6.55	
99	19	Nguyễn Thị	Thanh	28/09/2007	Hưng Yên	Nữ	7.2	8.1	7.65	

(Ấn định danh sách bao gồm 99 sinh viên)